

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST

Ngày: 20-5-2025

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Vân

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lương Thanh Văn

2. Ông Nguyễn Văn Toàn

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Việt Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2024/TLST- KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST- KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Công ty TNHH Bảo Châm V

Địa chỉ: Khu phố Mao Trung, phường Phượng Mao, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lã Văn N- Chức vụ: Giám đốc (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Tân Trung, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

* ***Bị đơn:*** Công ty TNHH BT F

Địa chỉ trụ sở chính: Số 188, đường Hoàng Hoa Thám, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật:

- Bà Phan Thị T- Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Khánh T- Phó giám đốc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2024, lời khai tiếp theo, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:*

Ngày 11/09/2023 tại Văn phòng Công ty TNHH cung cấp suất ăn công nghiệp Bảo Châm, hai bên gồm bên A Công ty TNHH Bảo Châm V và bên B Công ty TNHH BT F có ký Hợp đồng mua bán suất ăn công nghiệp (ghi là Hợp đồng dịch vụ), hai bên thống nhất thỏa thuận thực hiện giữa hai bên về việc cung cấp suất ăn công nghiệp bữa ăn sáng, trưa, chiều và đêm cho công nhân viên của bên B. Số lượng suất ăn theo thông báo hàng ngày của bên B và phục vụ tại bếp ăn của bên B. Thời gian và địa điểm phục vụ bên A tuân theo khung giờ của bên B như sau:

STT	Tên ca	Thời gian ăn	Ghi chú	Địa điểm
1	Ca 1	11:30 - 12:30	Bữa trưa	Bếp ăn Công ty TNHH BT F
2	Ca 2	17:30 – 18:30	Bữa chiều	
3	Ca 3	23:00 – 00:30	Bữa đêm	
4	Ca 4	05:30 – 06:30	Bữa sáng	

Quá trình thực hiện hợp đồng: Số suất ăn và giá trị bên A đã cung cấp cho bên B từ tháng 09/2023 đến tháng 6/2024 cụ thể diễn biến như sau :

ST T	Tháng năm	Số suất ăn (đơn vị : suất)	Tổng giá trị (đơn vị : đồng)	Hóa đơn VAT bên A xuất cho bên B
1	09/2023	3.482	60.168.960	Số 404 phát hành ngày 07/10/2023
2	10/2023	5.095	88.041.600	Số 450 phát hành ngày 03/11/2023
3	11/2023	3.126	55.572.480	Số 496 phát hành ngày 04/12/2023
4	12/2023	6.066	104.820.480	Số 521 phát hành ngày 30/12/2023
5	01/2024	8.177	141.295.560	Số 16 phát hành ngày 31/01/2024
6	02/2024	4.155	71.798.400	Số 28 phát hành ngày 29/02/2024
7	03/2024	5.711	98.686.080	Số 45 phát hành ngày 01/04/2024
8	04/2024	4.413	76.256.640	Số 57 phát hành ngày 29/04/2024
9	05/2024	5.016	86.676.480	Số 65 phát hành ngày 13/05/2024
10	06/2024	1.161	20.062.080	Số 68 phát hành ngày 25/6/2024
Tổng			803.378.760	

Nhật ký và T bộ giá trị Bên B đã thanh toán trong quá trình thực hiện Hợp đồng giữa hai bên tính ngày 05/6/2024 như sau:

STT	Ngày bên A nhận được thanh toán	Giá trị Bên B thanh toán	Ghi chú
-----	---------------------------------	--------------------------	---------

1	29/12/2023	60.168.960	Thanh toán cho công nợ tháng 9/2023
2	06/03/2024	50.000.000	Thanh toán một phần công nợ tháng 11/2023. Công nợ tháng 11/2023 còn là : 5.572.480 đ
3	14/03/2024	88.041.600	Thanh toán công nợ tháng tháng 10/2023
4	20/3/2024	71.798.400	Thanh toán công nợ tháng 02/2024
5	27/5/2024	50.000.000	Thanh toán công nợ tháng 12/2023. Công nợ tháng 12/2023 còn là : 4.820.480 đồng
6	05/6/2024	50.000.000	
Tổng		370.008.960 đồng	

Như vậy, tổng số tiền giá trị còn lại cho đến ngày 05/6/2024 bên B chưa thanh toán cho bên A là (803.378.760 đồng - 370.008.960 đồng) là 433.369.800 đồng. Sau đó Bên B đã cố tình vi phạm Điều 5 của Hợp đồng giữa hai bên đó là quản lý suất ăn và quy định thanh toán: «... *Thanh toán sau 30 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn từ bên B, bên A phải thanh toán cho bên B số tiền ghi trên hóa đơn bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bên B. ... Nếu chậm quá 30 ngày tính từ ngày cuối cùng của thời hạn cam kết thanh toán như quy định, Bên BT F phải chịu lãi suất cho số tiền chậm trả bằng 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán cho những ngày chậm trả. Ngày tính lãi chậm trả sẽ được tính từ ngày thứ 31 kể từ ngày cuối cùng của thời hạn cam kết thanh toán*».

Trong quá trình từ tháng 01/2024 đến nay, Bên A liên tục làm việc với các hình thức khác nhau yêu cầu bên B thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị công nợ còn lại theo Hợp đồng giữa hai bên. Nhưng Bên B vẫn không thực hiện việc thanh toán. Thậm chí, Bên B còn có các việc làm bất hợp tác nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ như: Không trả lại bất kỳ văn bản nào bên A gửi đến cho bên B, không phúc đáp, phản hồi, thậm chí không cho bên A vào nhà máy của bên B để làm việc.

Nay Công ty TNHH Bảo Châm V khởi kiện đề nghị giải quyết: Buộc Bên B thực hiện T bộ nghĩa vụ thanh toán T bộ giá trị hợp đồng còn lại chưa thanh toán và lãi suất cho bên A theo quy định tại hợp đồng giữa hai bên với giá trị như sau: Số tiền bên B phải thanh toán cho bên A theo hợp đồng là 433.369.800 đồng, Bên B phải chịu lãi suất do chậm trả theo quy định Điều 5 hợp đồng tạm tính đến ngày 03/9/2024 là: 15.869.420 đồng. Tổng số tiền bên B phải thanh toán cho bên A là 449.233.220 đồng. Ngoài ra, công ty không yêu cầu thêm nội dung gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, ông N là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn có mặt trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Bảo Châm V: Buộc Công ty TNHH BT F phải thanh toán cho Công ty TNHH Bảo Châm V số tiền chưa thanh toán theo hợp đồng là 433.369.800 đồng. Thanh toán tiền lãi do chậm trả tiền vi phạm nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng kể từ ngày

05/06/2024 đến ngày xét xử 20/5/2025 theo quy định của pháp luật 10%/năm. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa ông T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt trình bày: Ông nhất trí với lời trình bày của ông N tại phiên tòa, ông không bổ sung ý kiến gì.

* Đối với bị đơn Công ty TNHH BT F: Tòa án đã tiến hành giao, gửi các văn bản tố tụng cho Công ty theo quy định của pháp luật nhưng tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Công ty TNHH BT F đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc khởi kiện của Công ty TNHH Bảo Châm V và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tại phiên tòa hôm nay Công ty TNHH BT F vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông N, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11; Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306 của Luật thương mại; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Bảo Châm V: Buộc Công ty TNHH BT F phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Bảo Châm V tổng số tiền 474.574.590 đồng, trong đó: tiền nợ hàng hóa là 433.369.800 đồng, tiền lãi là 41.204.799 đồng.

- Về án phí: Công ty TNHH BT F phải chịu 22.982.983 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty TNHH Bảo Châm số tiền 11.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn Công ty TNHH Bảo Châm V và bị đơn Công ty TNHH BT F thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do Công ty TNHH BT F có địa chỉ trụ sở: Số 188, đường Hoàng Hoa Thám, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH BT F được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Công ty TNHH BT F.

[3] Về quan hệ pháp luật: Công ty TNHH Bảo Châm V yêu cầu Công ty TNHH BT F phải thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ tính đến ngày 03/9/2024 là 433.369.800 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật được xác định là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 8 Điều 3 của Luật thương mại.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Bảo Châm V thì Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 11/09/2023 tại Văn phòng Công ty TNHH cung cấp suất ăn công nghiệp Bảo Châm. Bên A là Công ty TNHH Bảo Châm V, bên B là Công ty TNHH BT F ký Hợp đồng cung cấp suất ăn công nghiệp với nội dung: Bên A cung cấp suất ăn công nghiệp (bữa sáng, trưa, chiều, đêm) cho công nhân viên của bên B theo thông báo số suất ăn hàng ngày và phục vụ tại bếp ăn của bên B theo khung giờ đã quy định. Thời gian phục vụ theo ca, quá trình thực hiện hợp đồng (09/2023 - 06/2024): Các tháng được cung cấp suất ăn cụ thể theo số liệu và hóa đơn VAT như sau: Tháng 09/2023: 3.482 suất là 60.168.960 đồng, tháng 10/2023: 5.095 suất là 88.041.600 đồng, tháng 11/2023: 3.126 suất là 55.572.480 đồng, tháng 12/2023: 6.066 suất là 104.820.480 đồng, tháng 01/2024: 8.177 suất là 141.295.560 đồng, tháng 02/2024: 4.155 suất là 71.798.400 đồng, tháng 03/2024: 5.711 suất là 98.686.080 đồng, tháng 04/2024: 4.413 suất là 76.256.640 đồng, tháng 05/2024: 5.016 suất là 86.676.480 đồng, tháng 06/2024: 1.161 suất là 20.062.080 đồng. Tổng giá trị hợp đồng các suất ăn là 803.378.760 đồng. Các khoản thanh toán từ bên B được thực hiện theo nhật ký từ 29/12/2023 đến 05/06/2024 với tổng số tiền thanh toán các suất ăn là 370.008.960 đồng. Do đó, số tiền còn nợ của bên B còn là: $803.378.760 - 370.008.960 = 433.369.800$ đồng. Bên B đã vi phạm Điều 5 của hợp đồng về việc quản lý suất ăn và quy định thanh toán (không thanh toán đúng hạn và không hợp tác trong việc giải quyết công nợ). Công ty TNHH Bảo Châm V khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bên B thanh toán T bộ số tiền nợ theo hợp đồng: 433.369.800 đồng. Bên B phải chịu lãi chậm trả theo quy định pháp luật tạm tính đến ngày 03/09/2024 là 15.869.420 đồng. Tổng số tiền yêu cầu tạm tính đến ngày 03/9/2024 là 449.233.220 đồng. Ngoài ra, bên A không yêu cầu thêm nội dung nào khác.

Tại Hợp đồng các bên đã ký kết trong đó đã có quy định rõ ràng về nghĩa vụ thanh toán, phương thức thanh toán và chế độ tính lãi suất chậm trả. Bên A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, trong khi Bên B không thanh toán đủ số tiền theo cam kết hợp đồng. Theo hợp đồng, bên B còn nợ số tiền là 433.369.800 đồng và hợp đồng cũng quy định cụ thể về lãi suất chậm trả tiền.

Các chứng cứ do bên A cung cấp bao gồm Hợp đồng dịch vụ, biên bản giao nhận, hồ sơ chứng từ liên quan như biên bản giao nhận hàng hóa chi tiết từng lần, hóa đơn, biên bản thanh lý hợp đồng, biên bản xác nhận công nợ, bảng theo dõi công nợ, bảng tổng hợp công nợ giữa hai công ty... đã được Tòa án kiểm tra, đánh giá và xác nhận là đầy đủ, hợp pháp và có giá trị. Căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và các thỏa thuận đã ký kết, từ ngày 05/6/2024 cho đến nay Công ty TNHH BT F không thanh toán số tiền hàng hóa còn nợ cho Công ty TNHH Bảo Châm V là vi phạm nghĩa vụ thanh toán như cam kết trong hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng có những nội dung không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn Công ty TNHH Bảo Châm V đã chứng minh được việc đã giao đầy đủ hàng hóa cung cấp đầy đủ các suất ăn cho bên Công ty TNHH BT F theo hợp đồng. Từ ngày 05/06/2024 cho đến nay Công ty TNHH BT F không thanh toán số tiền các suất ăn còn nợ cho Công ty TNHH Bảo Châm V là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay Công ty TNHH Bảo Châm V yêu cầu Công ty TNHH BT F phải thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ là 433.369.800 đồng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp như phiếu giao hàng, phiếu xuất kho, bảng kê chi tiết và hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng có đủ cơ sở xác định thể hiện Công ty TNHH BT F còn nợ số tiền mua hàng hóa chưa thanh toán cho Công ty TNHH Bảo Châm V là 433.369.800 đồng. Đối với bị đơn Công ty TNHH BT F đã được thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án, yêu cầu cung cấp các tài liệu chứng cứ về việc mua bán hàng hóa và trả tiền cho Công ty TNHH Bảo Châm V nhưng Công ty TNHH BT F không hợp tác và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Bảo Châm V là có căn cứ cần được chấp nhận, cần buộc Công ty TNHH BT F phải thanh toán cho Công ty TNHH Bảo Châm V số tiền nợ hàng hóa là 433.369.800 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật thương mại.

* Về lãi suất: Công ty TNHH Bảo Châm V yêu cầu Công ty TNHH BT F phải trả tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 05/06/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/5/2025. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong hợp đồng ký kết tại Điều 5 của Hợp đồng hai bên có thỏa thuận về tiền lãi là không quá 150% lãi suất ngân hàng Nhà nước, từ ngày 05/6/2024 Công ty TNHH BT F không thanh toán tiền cho Công ty TNHH Bảo Châm V là vi phạm nghĩa vụ thanh toán như cam kết trong hợp đồng các bên đã ký kết nên Công ty TNHH Bảo Châm V yêu cầu Công ty TNHH BT F phải trả tiền lãi 10%/ năm kể từ ngày 05/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại và Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tại Điều 306 Luật thương mại có quy định “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*” nên yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của Công ty TNHH Bảo Châm V được chấp nhận để xem xét.

Cụ thể tiền lãi như sau: Thời điểm từ ngày 05/6/2024 đến ngày xét xử 20/5/2025 là 11 tháng 14 ngày: $11 \text{ tháng} \times 433.369.800 \text{ đồng} \times 0,83\% + 14 \text{ ngày} \times 433.369.800 \text{ đồng} \times 0,027\% = 39.566.662 \text{ đồng} + 1.638.137 \text{ đồng} = 41.204.799 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi mà Công ty TNHH BT F phải trả cho Công ty TNHH Bảo Châm V là 41.204.799 đồng.

Như vậy, Công ty TNHH BT F phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Bảo Châm V tổng số tiền là 474.574.590 đồng trong đó tiền nợ hàng hóa là 433.369.800 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 41.204.799 đồng.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tại phiên tòa do Công ty TNHH BT F vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí:

- Do yêu cầu của Công ty TNHH Bảo Châm V được chấp nhận nên Công ty TNHH BT F phải có nghĩa vụ chịu T bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Số tiền án phí phải chịu của 474.574.590 đồng là: 20.000.000 đồng + 74.574.590 đồng x 4% = 20.000.000 đồng + 2.982.983 đồng = 22.982.983 đồng.

- Hoàn trả Công ty TNHH Bảo Châm V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 11; Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306 của Luật thương mại;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Bảo Châm V. Buộc Công ty TNHH BT F phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Bảo Châm V tổng số tiền 474.574.590 đồng (bốn trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi đồng), trong đó tiền nợ hàng hóa là 433.369.800 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm đồng), tiền lãi chậm thanh toán là 41.204.799 đồng (bốn mươi một triệu hai trăm linh bốn nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Về án phí:

- Công ty TNHH BT F phải chịu 22.982.983 đồng (hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi hai nghìn chín trăm tám mươi ba đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Công ty TNHH Bảo Châm V số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001431 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên.

[4] Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;

TÒA

- VKSND tỉnh Bắc Giang;

- VKSND thị xã Việt Yên;

- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Thị Vân